

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 257/2017/DS-PT

Ngày: 25/10/2017

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan

Các Thẩm phán: + Ông Phan Văn Huyện

+ Bà Lưu Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 208/2017/TLPT-DS ngày 02/10/2017 về việc tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 93/2017/DS-ST ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2017/QĐ-PT ngày 05/10/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn L (Đỗ Văn L), sinh năm 1970, (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

- Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1953, (có mặt);

- Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1978, (có mặt);

- Anh Đỗ Văn N, sinh năm 1982, (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1979, (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp H, Xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Huỳnh Thị Minh Đ, sinh năm 1972, (vắng mặt);

Đại diện theo ủy quyền của chị Minh Đ: Anh Đỗ Văn L, sinh năm 1970;
 Cùng địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
 3. Người kháng cáo: Bị đơn Đỗ Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

**Nguyên đơn - anh Đỗ Văn L trình bày:* Vợ chồng ông Đỗ Văn H và bà Nguyễn Thị L (chết tháng 3/2017) có vay của anh số tiền 125.000.000 đồng, lập biên nhận nợ ngày 17/11/2016 (âm lịch) hẹn ngày 25/12/2016 (âm lịch) trả nhưng không thực hiện. Anh L đến đòi nhiều lần, ông H hẹn lần này đến lần khác. Bà L mất có để lại tài sản chung với ông H, hiện do ông H và các con là chị H, chị T, anh N quản lý.

Nay anh yêu cầu các bị đơn liên đới trả số tiền 125.000.000 đồng và lãi suất chậm trả từ ngày 25/12/2016 âm lịch (ngày 22/01/2017 dương lịch) đến ngày xét xử vụ án, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

**Bị đơn - ông Đỗ Văn H trình bày:* Ông và vợ là bà L có 03 người con chung là chị H, chị T, anh N. Sinh thời bà L nhiều lần lập biên nhận vay tiền của chị Minh Đ là vợ của anh L. Ngày 17/11/2016 âm lịch, ông đồng ý ký tên vào biên nhận mà anh L viết sẵn có nội dung là ông và bà L thiếu anh L số tiền 125.000.000 đồng, hẹn ngày 25/12/2016 âm lịch sẽ trả. Trong số tiền này có 100.000.000 đồng tiền vốn và 25.000.000 đồng tiền lãi. Do bà L bị bệnh hiểm nghèo, phải điều trị thời gian dài chi phí tốn kém nên ông không trả tiền được cho anh L. Nay ông đồng ý trả 100.000.000 đồng tiền vốn nhưng xin trả dần và xin không trả tiền lãi.

**Các bị đơn - chị Đỗ Thị H, chị Đỗ Thị T và anh Đỗ Văn N cùng trình bày:* Các anh chị là con của ông H và bà L. Các chị thì có chồng ở riêng đã lâu còn anh N thì đi làm ăn xa, các anh chị không biết việc ông H và bà L vay tiền của anh L. Trong thời gian bà L điều trị bệnh các anh chị cũng phụ lo. Tài sản chung của ông H, bà L là căn nhà gắn liền với phần đất khoảng hơn 2.000 m² hiện do ông H quản lý nên đề nghị ông H trả nợ cho anh L. Các anh chị không có khả năng trả và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

**Tại bản án dân sự sơ thẩm số 93/2017/DS-ST ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:*

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn anh Đỗ Văn L.

Buộc các bị đơn Đỗ Văn H, Đỗ Thị T, Đỗ Thị H và Đỗ Văn N liên đới trả cho anh Đỗ Văn L số tiền là 133.859.000 đồng, sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần nghĩa vụ chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày **10/8/2017**, bị đơn ông Đỗ Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết cho ông được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền vốn 100.000.000 đồng và xin không trả số tiền lãi 25.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Đỗ Văn L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Đỗ Văn H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; nghe quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về tố tụng: Bị đơn chị Đỗ Thị T và anh Đỗ Văn N có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Minh Đ vắng mặt, có đại diện theo ủy quyền là anh Đỗ Văn L. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2/ Về nội dung vụ án:

Bị đơn ông Đỗ Văn H kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C đã xâm phạm đến quyền L ông H và các thành viên trong gia đình của ông.

Để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, ông H căn cứ vào biên nhận tiền ngày 17/11/2016 âm lịch của ông L cung cấp cho Tòa án thể hiện ông và bà L có ghi biên nhận nợ số tiền 125.000.000 đồng. Nhưng thực tế, ngày 13/12/2013 âm lịch bà L vay chỉ có 40.000.000 đồng, đến ngày 15/02/2014 âm lịch, ông L tính lãi lên 30.000.000 đồng và bắt bà L ký vào biên nhận nợ. Do không có tiền trả nên ngày 28/4/2014 âm lịch, ông L tính lãi tiếp 30.000.000 đồng nên số tiền cả vốn và lãi là 100.000.000 đồng. Khi ông L làm lại biên nhận tiền vốn là 100.000.000 đồng và lãi là 25.000.000 đồng ngay lúc bà L đang yếu nên buộc

ông phải ký vào biên nhận nợ. Vì sự thật, bà L chỉ vay có 40.000.000 đồng nhưng do không trả được nợ nên ông L tính lãi và ghi tiếp nhiều lần nên số tiền lên đến 100.000.000 đồng. Ông cho rằng nếu một người vay không trả tiền thì không ai cho vay tiếp mà số tiền lần đầu vay 40.000.000 đồng không trả thì hai tháng sau lại cho vay tiếp 30.000.000 đồng và cách hai tháng sau lại cho vay thêm 30.000.000 đồng nữa là không hợp lý nên số tiền 100.000.000 đồng đã bao gồm tiền vốn và tiền lãi

Xét thấy, tại phiên tòa ông H khai chỉ thiếu anh L 40.000.000 đồng tiền vốn, vì anh L tính cả tiền lãi vào tiền vốn nên số tiền ông nợ mới lên đến 100.000.000 đồng. Nhưng ông H không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày đó. Mặc khác tại biên nhận ngày 17/11/2016 âm lịch (bút lục 08) thể hiện nội dung ông H và bà L thiếu anh L số tiền 125.000.000 đồng, hẹn ngày 25/12/2016 âm lịch sẽ trả đủ số tiền trên. Tại Tòa ông H cũng thừa nhận có cùng bà L ký vào biên nhận trên. Nhưng trong biên nhận không thể hiện số tiền 125.000.000 đồng đã bao gồm tiền vốn và tiền lãi, đồng thời tại phiên tòa ông cũng thống nhất trả số tiền vốn 100.000.000 đồng cho anh L. Anh L cũng thừa nhận số tiền 125.000.000 đồng là gồm 100.000.000 đồng tiền vốn và tiền lãi cộng chung của 25 tháng là 25.000.000 đồng. Như vậy, ông H và anh L đều thống nhất số tiền mà ông H còn nợ anh L là 125.000.000 đồng, nhưng ông H không đồng ý trả nợ một lần nên yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cho ông được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nêu trên. Xét yêu cầu của ông H là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, bởi việc ông H xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ 100.000.000 đồng không được anh L đồng ý. Việc xin trả dần nhằm kéo dài thời gian trả nợ cho anh L và làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh L.

Xét yêu cầu xin không trả tiền lãi 25.000.000 đồng của ông H, Hội đồng xét xử nhận thấy: lãi suất anh L yêu cầu ông H thực hiện là $1\% \times 25 \text{ tháng} = 25.000.000 \text{ đồng}$ là phù hợp với quy định của pháp luật, không vượt quá lãi suất cơ bản của ngân hàng Nhà nước quy định. Do đó không chấp nhận yêu cầu xin không trả 25.000.000 đồng tiền lãi của ông H.

Về án phí: Tại phiên tòa hôm nay, phía bị đơn có đơn xin miễn giảm án phí được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C xác nhận là gia đình khó khăn về kinh tế nên được Hội đồng xét xử xem xét giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm. Do đó, cần sửa án sơ thẩm để điều chỉnh lại án phí cho phù hợp.

Về phần lãi suất chậm trả tính từ ngày 22/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án (ngày 31/7/2017), Tòa sơ thẩm áp dụng lãi suất 1,125%/tháng x 125.000.000 đồng x 6 tháng 9 ngày = 8.859.000 đồng. Số tiền lãi này phù hợp với quy định pháp luật, các đương sự cũng không có yêu cầu kháng cáo nên phát sinh hiệu lực. Như vậy, số tiền ông H, chị T, chị H, anh N phải trả cho anh L tổng cộng là 133.859.000 đồng.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H; Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468, Điều 615 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Văn H.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 93/2017/DS-ST ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đỗ Văn L.

Buộc các bị đơn ông Đỗ Văn H, chị Đỗ Thị T, chị Đỗ Thị H và anh Đỗ Văn N liên đới trả cho anh Đỗ Văn L số tiền là 133.859.000 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu, tám trăm năm mươi chín nghìn đồng) làm một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án ông H, chị T, chị H và anh N chậm thi hành án thì còn phải chịu thêm khoản lãi suất tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án, mức lãi suất do hai bên thỏa thuận theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí:

Ông H, chị T, chị H và anh N phải chịu 3.346.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, ông H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Ông H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 07338 ngày 10/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên ông H, chị T, chị H và anh N còn phải nộp tiếp 3.346.500 đồng.

Hoàn lại cho anh Đỗ Văn L 3.125.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 06947 ngày 02/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Ngoan